

ÔN TẬP CHƯƠNG 1

1. Ứng với công thức phân tử $C_4H_8O_2$ có bao nhiêu este mạch hở đồng phân của nhau?
 A. 5. B. 6. C. 4. D. 3.
2. Hợp chất X có công thức cấu tạo CH_3COOCH_3 . Tên gọi của X là
 A. metyl axetat. B. metyl fomat. C. etyl axetat. D. etyl fomat.
3. Este metyl acrylat ($CH_2=CHCOOCH_3$) **không** tác dụng với chất (hoặc dung dịch) nào sau đây?
 A. $Cu(OH)_2$ (ở điều kiện thường). B. H_2O (xúc tác H_2SO_4 loãng, đun nóng).
 C. Dung dịch $NaOH$ (đun nóng). D. H_2 (xúc tác Ni, đun nóng).
4. Este nào sau đây có phản ứng tráng bạc?
 A. $C_2H_5COOCH_3$. B. CH_3COOCH_3 .
 C. $CH_3COOC_2H_5$. D. $HCOOCH_3$.
5. Phản ứng thủy phân este trong môi trường kiềm khi đun nóng được gọi là phản ứng
 A. xà phòng hoá. B. hydrat hoá. C. crackinh. D. lên men.
6. Este nào sau đây tác dụng với dung dịch $NaOH$ thu được natri axetat?
 A. $HCOOC_2H_5$. B. $C_2H_5COOCH_3$. C. $HCOOCH_3$. D. $CH_3COOC_2H_5$.
7. Khi xà phòng hoá hoàn toàn este $C_4H_8O_2$ thu được ancol metylic. X có công thức cấu tạo là
 A. $C_2H_3COOCH_3$. B. $CH_3COOC_2H_5$. C. $C_2H_5COOCH_3$. D. $HCOOC_3H_7$.
8. Phát biểu đúng là
 A. Phản ứng thủy phân este của ancol trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.
 B. Phản ứng giữa axit và ancol khi có H_2SO_4 đặc là phản ứng một chiều.
 C. Tất cả các este phản ứng với dung dịch kiềm luôn thu được sản phẩm cuối cùng là muối và ancol.
 D. Khi thủy phân chất béo luôn thu được $C_2H_4(OH)_2$.
9. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?
 A. Triolein có phản ứng cộng hydro khi đun nóng (xúc tác Ni).
 B. Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm.
 C. Chất béo là trieste của etylen glicol với các axit béo.
 D. Các chất béo thường không tan trong nước và nhẹ hơn nước.
10. Trong các hợp chất sau, hợp chất nào thuộc loại chất béo?
 A. $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$. B. $(C_{17}H_{35}COO)_2C_2H_4$.
 C. $(C_6H_5COO)_3C_3H_5$. D. $(C_2H_5COO)_3C_3H_5$.
11. Đun hỗn hợp glixerol và axit stearic, axit oleic (có axit H_2SO_4 làm xúc tác) có thể thu được tối đa mấy loại trieste?
 A. 4. B. 6. C. 5. D. 3.
12. Khi thủy phân một chất béo bất kỳ, ta đều thu được

A. glixerol. B. axit oleic. C. axit panmitic. D. axit stearic.

13. Khi xà phòng hóa tripanmitin ta thu được sản phẩm là

A. $C_{15}H_{31}COONa$ và glixerol. B. $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol.
C. $C_{15}H_{31}COOH$ và glixerol. D. $C_{17}H_{35}COONa$ và glixerol.

14. Thủy phân hoàn toàn 1 mol tristearin trong dung dịch NaOH (vừa đủ), ta thu được 1 mol glixerol và

A. 1 mol natri stearat. B. 3 mol natri stearat.
C. 3 mol axit stearic. D. 1 mol axit stearic.

15. Cho sơ đồ chuyển hoá: Triolein $\xrightarrow{+H_2 \text{ dư (Ni, t}^0)}$ X $\xrightarrow{+NaOH \text{ dư, t}^0}$ Y. Tên của Y là

A. natri oleat. B. axit stearic. C. axit oleic. D. natri stearat.

16. Đốt cháy hoàn toàn 2,2 gam este X (no, đơn chức, mạch hở) thu được 2,24 lít khí CO_2 (đo ở đktc). Công thức phân tử của X là

A. $C_3H_6O_2$. B. $C_4H_6O_2$. C. C_2H_4O . D. $C_4H_8O_2$.

17. Hỗn hợp X gồm axit axetic và metyl fomat. Cho m gam X tác dụng vừa đủ với 300 ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của m là

A. 9. B. 27. C. 18. D. 12.

18. Este X có tỉ khối hơi so với He bằng 21,5. Cho 17,2 gam X tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được dung dịch chứa 16,4 gam muối. Công thức của X là

A. $CH_3COOC_2H_5$. B. $C_2H_3COOCH_3$. C. $CH_3COOC_2H_3$. D. $HCOOC_3H_5$.

19. Để tác dụng hết với a mol triolein cần tối đa 0,6 mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của a là

A. 0,30. B. 0,20. C. 0,12. D. 0,15.

20. Thủy phân hoàn toàn m gam chất béo bằng dung dịch NaOH, đun nóng, thu được 9,2 gam glixerol và 91,8 gam muối. Giá trị của m là

A. 89. B. 101. C. 85. D. 93.

ÔN TẬP CHƯƠNG 2

1. Phát biểu nào sau đây **đúng**?

- A. Glucozơ là monosaccarit còn saccarozơ là đisaccarit.
- B. Tinh bột và xenlulozơ là đồng phân của nhau.
- C. Đồng phân của saccarozơ là fructozơ.
- D. Tất cả các chất có công thức $C_n(H_2O)_m$ đều là cacbohidrat.

2. Để chứng minh trong phân tử glucozơ có nhiều nhóm hidroxyl, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng với

- A. $Cu(OH)_2$ trong dung dịch NaOH, đun nóng.
- B. $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường.

C. khí H₂, đun nóng.

D. AgNO₃ trong dung dịch NH₃, đun nóng.

3. Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

- A. Xenlulozơ tan tốt trong nước và etanol.
- B. Hidro hóa hoàn toàn glucozơ (xúc tác Ni, đun nóng) tạo ra sobitol.
- C. Saccarozơ có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.
- D. Thủy phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch H₂SO₄ đun nóng, tạo ra fructozơ.

4. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Glucozơ và fructozơ là đồng phân cấu tạo của nhau.
- B. Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng tráng bạc.
- C. Trong dung dịch, glucozơ tồn tại ở dạng mạch vòng ưu tiên hơn dạng mạch hở.
- D. Dung dịch fructozơ hoà tan được Cu(OH)₂ ở nhiệt độ thường.

5. Cho một số tính chất: (1) có dạng sợi; (2) tan trong nước; (3) tan trong nước Svayde; (4) phản ứng với axit nitric đặc (xúc tác axit sunfuric đặc); (5) tham gia phản ứng tráng bạc; (6) bị thủy phân trong dung dịch axit đun nóng. Các tính chất của xenlulozơ là

- A. (3), (4), (5) và (6).
- B. (1), (3), (4) và (6).
- C. (2), (3), (4) và (5).
- D. (1), (2), (3) và (4).

6. Tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ, mantozơ đều có khả năng tham gia phản ứng

- A. hoà tan Cu(OH)₂.
- B. trùng ngưng.
- C. tráng gương.
- D. thủy phân.

7. Cacbohidrat nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

- A. Glucozơ.
- B. Saccarozơ.
- C. Tinh bột.
- D. Fructozơ.

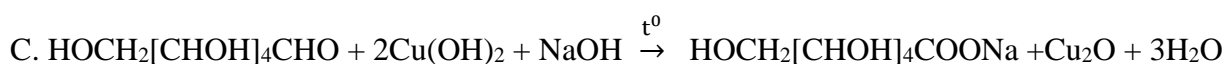
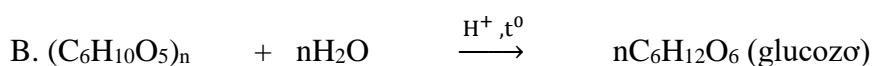
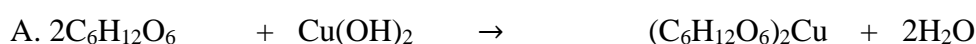
8. Polisaccarit X là chất rắn, ở dạng bột vô định hình, màu trắng và được tạo thành trong cây xanh nhờ quá trình quang hợp. Thủy phân X, thu được monosaccarit Y. Phát biểu nào sau đây **đúng**?

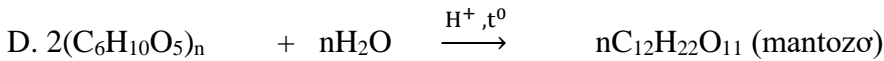
- A. Y tác dụng với H₂ tạo sorbitol.
- B. X có phản ứng tráng bạc.
- C. Phân tử khối của Y là 162.
- D. X dễ tan trong nước lạnh.

9. Thủy phân saccarozơ, thu được hai monosaccarit X và Y. Chất X có nhiều trong quả nho chín nên còn được gọi là đường nho. Phát biểu nào sau đây **đúng**?

- A. Y không tan trong nước.
- B. X không có phản ứng tráng bạc.
- C. Y có phân tử khối bằng 342.
- D. X có tính chất của ancol đa chức.

10. Phương trình hóa học nào sau đây **sai**?





77. Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

- A. Tinh bột tan được trong nước Svayde $Cu(NH_3)_4(OH)_2$.
- B. Xenlulozơ có cấu trúc mạch phân nhánh.
- C. Amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.
- D. Glucozơ bị khử bởi dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 .

72. Cho các phát biểu sau:

- (a) Quá trình chuyển hóa tinh bột trong cơ thể người có xảy ra phản ứng thủy phân.
- (b) Dung dịch saccarozơ không tham gia phản ứng tráng bạc.
- (c) Thành phần chính của sợi bông, sợi đay là tinh bột.
- (d) Dung dịch glucozơ được sử dụng trong y học làm “huyết thanh ngọt”.
- (e) Saccarozơ được coi là một đoạn mạch của tinh bột.

Số phát biểu **sai** là

- A. 3.
- B. 4.
- C. 2.
- D. 5.

73. Cho các phát biểu sau:

- (a) Sản phẩm của phản ứng thủy phân saccarozơ được dùng trong kĩ thuật tráng gương.
- (b) Fructozơ là monosaccarit duy nhất có trong mật ong.
- (c) Nhỏ vài giọt dung dịch I_2 vào xenlulozơ, xuất hiện màu xanh tím.
- (d) Trong quá trình sản xuất etanol từ tinh bột, xảy ra phản ứng thủy phân và lên men rượu.
- (e) Nếu nhỏ dung dịch I_2 vào lát cắt của quả chuối xanh thì xuất hiện màu xanh tím.

Số phát biểu **đúng** là

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 2.

74. Tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Cho 5 giọt dung dịch $CuSO_4$ 0,5% vào ống nghiệm sạch.

Bước 2: Thêm 1 ml dung dịch $NaOH$ 10% vào ống nghiệm, lắc đều; gạn phần dung dịch, giữ lại kết tủa.

Bước 3: Thêm tiếp 2 ml dung dịch glucozơ 1% vào ống nghiệm, lắc đều.

Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Sau bước 3, kết tủa đã bị hòa tan, thu được dung dịch màu xanh lam.
- B. Nếu thay dung dịch $NaOH$ ở bước 2 bằng dung dịch KOH thì hiện tượng ở bước 3 vẫn tương tự.
- C. Thí nghiệm trên chứng minh glucozơ có tính chất của anđehit.
- D. Ở bước 3, nếu thay glucozơ bằng fructozơ thì hiện tượng xảy ra vẫn tương tự.

75. Tiến hành thí nghiệm theo các bước sau:

Bước 1: Cho 1 ml dung dịch $AgNO_3$ 1% vào ống nghiệm sạch.

Bước 2: Thêm từ từ từng giọt dung dịch NH_3 , lắc đều cho đến khi kết tủa tan hết.

Bước 3: Thêm tiếp khoảng 1 ml dung dịch glucozơ 1% vào ống nghiệm; đun nóng nhẹ.

Phát biểu nào sau đây *sai*?

- A. Thí nghiệm trên chứng minh glucozơ có tính chất của poliancol.
- B. Trong phản ứng ở bước 3, glucozơ đóng vai trò là chất khử.
- C. Sau bước 3, có lớp bạc kim loại bám trên thành ống nghiệm.
- D. Sản phẩm hữu cơ thu được sau bước 3 là amoni gluconat.

16. Khi đốt cháy hoàn toàn 7,02 gam hỗn hợp glucozơ và saccarozơ cần vừa đủ 0,24 mol O_2 , thu được CO_2 và m gam H_2O . Giá trị của m là

- A. 3,50.
- B. 5,40.
- C. 4,14.
- D. 2,52.

17. Thủy phân hoàn toàn m gam tinh bột thành glucozơ. Cho toàn bộ glucozơ tham gia phản ứng tráng bạc (hiệu suất 100%), thu được 38,88 gam Ag. Giá trị của m là

- A. 64,80.
- B. 29,16.
- C. 32,40.
- D. 58,32.

18. Cho 54 gam glucozơ lên men rượu với hiệu suất 75% thu được m gam C_2H_5OH . Giá trị của m là

- A. 10,35.
- B. 20,70.
- C. 27,60.
- D. 36,80.

19. Từ 16,20 tấn xenlulozơ người ta sản xuất được m tấn xenlulozơ trinitrat. Giá trị của m là

- A. 26,73.
- B. 33,00.
- C. 25,46.
- D. 29,70.

20. Cho m gam tinh bột lên men thành ancol etylic với hiệu suất 81%. Toàn bộ lượng khí sinh ra được hấp thụ hoàn toàn vào dung dịch $Ca(OH)_2$ lấy dư, thu được 75 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 75.
- B. 65.
- C. 85.
- D. 55.

ÔN TẬP CHƯƠNG 3

1. Số nguyên tử hiđrô trong phân tử trimetylamin là

- A. 9
- B. 3
- C. 10
- D. 11

2. Glyxin không tác dụng dung dịch chất nào sau đây ?

- A. HCl.
- B. NaCl.
- C. CH_3OH (có HCl).
- D. KOH.

3. Trong phân tử amin không chứa nguyên tố

- A. hiđrô
- B. nitơ
- C. cacbon
- D. oxi.

4. Chất nào sau là hợp chất hữu cơ tạp chức ?

- A. Alanin.
- B. Tripanmitin.
- C. Glixerol.
- D. Axit oleic

5. Trong các chất sau, chất nào trong phân tử có hai nhóm $-NH_2$?

- A. Dimetylamin.
- B. Axit glutamic
- C. Lysin.
- D. Valin.

- 6.** Axit glutamic là một loại aminoaxit có trong thành phần của một số thuốc giúp phòng ngừa và điều trị các triệu chứng suy nhược thần kinh gây căng thẳng mất ngủ, nhức đầu, ù tai. Tổng số nguyên tử nitơ và oxi trong phân tử axit glutamic là
- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.
- 7.** Chất nào sau đây là amin bậc một ?
- A. $\text{CH}_3\text{NHC}_2\text{H}_5$ B. $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$ C. $\text{C}_3\text{H}_7\text{NH}_2$ D. $(\text{CH}_3)_3\text{N}$
- 8.** Chất nào sau đây là amino axit?
- A. Anilin B. Valin. C. Metylamin D. Etyl acrylat.
- 9.** Phát biểu nào đúng khi nói về alanin?
- A. Dung dịch làm quỳ tím chuyển thành màu xanh.
 B. Là aminoaxit có phân tử khối nhỏ nhất
 C. Có tính chất lưỡng tính.
 D. Trong dung dịch chỉ có dạng phân tử.
- 10.** Cho dãy các chất: (1) NH_3 , (2) $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$, (3) $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (anilin). Thứ tự giảm dần lực bazơ các chất trong dãy là
- A. (2), (1), (3). B. (2), (3), (1). C. (3), (1), (2). D. (3), (2), (1).
- 11.** Cho vào ống nghiệm 1 - 2 ml dung dịch chất X, nhỏ tiếp vài giọt phenolphthalein vào thấy dung dịch có màu hồng. Chất X là
- A. alanin B. etylamin C. anilin D. axit axetic
- 12.** Cho các chất: anilin, phenylamoni clorua, alanin, Gly-Ala. Số chất phản ứng được với NaOH trong dung dịch là
- A. 2 B. 1 C. 4 D. 3
- 13.** Thủy phân không hoàn toàn tetrapeptit X mạch hở, thu được hỗn hợp sản phẩm trong đó có Gly-Ala, Phe-Val và Ala-Phe. Cấu tạo của X là
- A. Gly-Ala-Val-Phe. B. Ala-Val-Phe-Gly. C. Val-Phe-Gly-Ala. D. Gly-Ala-Phe-Val.
- 14.** Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
X	Quỳ tím	Chuyển màu xanh
Y	Dung dịch I_2	Có màu xanh tím
Z	$\text{Cu}(\text{OH})_2$	Có màu tím
T	Nước brom	Kết tủa trắng

Các dung dịch X, Y, Z, T lần lượt là:

- A. Etylamin, hồ tinh bột, lòng trắng trứng, anilin. B. Anilin, etylamin, lòng trắng trứng, hồ tinh bột.
 C. Etylamin, hồ tinh bột, anilin, lòng trắng trứng. D. Etylamin, lòng trắng trứng, hồ tinh bột, anilin.

15. Tiến hành hai thí nghiệm sau:

Thí nghiệm 1: Nhỏ vài giọt anilin vào ống nghiệm 1 đựng dung dịch HCl dư, lắc đều.

Thí nghiệm 2: Cho 1 ml dung dịch anilin vào ống nghiệm 2 rồi thêm vài giọt nước brom.

Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Kết thúc thí nghiệm 1 trong ống nghiệm thu được dung dịch đồng nhất.
 B. Ở thí nghiệm 2 nếu thay anilin là dung dịch metylamin thì hiện tượng xảy ra và tương tự.
 C. Thí nghiệm 1 chứng minh anilin có tính bazơ.
 D. Kết thúc thí nghiệm 2 trong ống nghiệm xuất hiện kết tủa màu trắng.

16. Trong dung dịch, biết 1 mol chất X tác dụng vừa đủ với 2 mol NaOH. Chất X là chất nào trong các chất sau?

- A. alanin B. lysin C. axit glutamic D. vinyl axetat

17. Đốt cháy hoàn toàn m gam glyxin trong O₂ thu được CO₂, H₂O và 448 ml khí N₂. Giá trị của m là

- A. 3,00. B. 1,50. C. 2,23 D. 3,56

18. Cho 4 chất sau: metylamin, anilin, glyxin, H₂NCH₂COONa. Có bao nhiêu chất tác dụng được với dung dịch HCl?

- A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

19. Cho 2,790 gam amin X (no, đơn chức, mạch hở) tác dụng hết với dung dịch HCl dư, thu được 5,053 gam muối. Tổng số các nguyên tử trong phân tử X là

- A. 7. B. 10. C. 13. D. 9.

20. Amino axit X trong phân tử chỉ chứa hai loại nhóm chức. Cho 0,1 mol X tác dụng vừa đủ với 0,2 mol KOH, thu được 20,9 gam muối. Số nguyên tử hydro trong phân tử X là

- A. 9. B. 5. C. 7. D. 8.

ÔN TẬP CHƯƠNG 4

1. Chất nào sau đây **không** phải là polime?

- A. Tristearin. B. Xenlulozơ. C. Amilopectin. D. Thủy tinh hữu cơ.

2. Quá trình kết hợp nhiều phân tử nhỏ (monome) thành phân tử lớn (polime) đồng thời giải phóng những phân tử nhỏ khác (thí dụ H₂O) được gọi là phản ứng

- A. trùng hợp. B. xà phòng hóa. C. trùng ngưng. D. thủy phân.

3. Tơ nilon – 6,6 được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng

- A. $\text{HOOC}-(\text{CH}_2)_2-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOH}$. B. $\text{HOOC}-(\text{CH}_2)_4-\text{COOH}$ và $\text{HO}-(\text{CH}_2)_2-\text{OH}$.
 C. $\text{HOOC}-(\text{CH}_2)_4-\text{COOH}$ và $\text{H}_2\text{N}-(\text{CH}_2)_6-\text{NH}_2$. D. $\text{H}_2\text{N}-(\text{CH}_2)_5-\text{COOH}$.
4. Trong các polime sau: [1] poli(metyl metacrylat) ; [2] polistiren ; [3] nilon-6 ; [4] tơ lapsan ; [5] nilon-6,6 ; [6] poli(vinyl axetat) ; các polime là sản phẩm của phản ứng trùng ngưng là
 A. (1), (2), (3). B. (3), (4), (5). C. (1), (3), (6). D. (1), (3), (5).
5. PVC là chất rắn vô định hình, cách điện tốt, bền với axit, được dùng làm vật liệu cách điện, ống dẫn nước, vải che mưa,... PVC được tổng hợp trực tiếp từ monome nào sau đây?
 A. Vinyl clorua. B. Propilen. C. Acrilonitrin. D. Vinyl axetat.
6. Trong số các loại tơ sau: tơ tằm, tơ visco, tơ nilon-6,6, tơ axetat, tơ capron, tơ enang, những loại tơ nào thuộc loại tơ nhân tạo?
 A. Tơ tằm và tơ enang. B. Tơ visco và tơ nilon-6,6.
 C. Tơ nilon-6,6 và tơ capron. D. Tơ visco và tơ axetat.
7. Cho các polime sau đây: (1) tơ tằm ; (2) sợi bông ; (3) sợi đay ; (4) tơ enang ; (5) tơ visco ; (6) nilon-6,6 ; (7) tơ axetat. Loại tơ có nguồn gốc xenlulozơ là:
 A. (1), (2), (6). B. (2), (3), (5), (7). C. (2), (3), (6). D. (5), (6), (7).
8. Polime thuộc loại tơ thiên nhiên là
 A. Tơ nitron. B. Tơ tằm. C. Tơ visco. D. Tơ nilon-6,6.
9. Polime nào sau đây thuộc loại polime tổng hợp?
 A. Polietilen. B. Xenlulozơ. C. Tơ visco. D. Tinh bột
10. Polime nào sau đây được tổng hợp bằng phản ứng trùng ngưng ?
 A. Polistiren. B. Poli(metyl metacrylat).
 C. Poli(etylen terephtalat). D. Poli(acrilonitrin).
11. Polime nào sau đây có thành phần hóa học gồm các nguyên tố C, H và O?
 A. Poli(vinyl clorua). B. Poli(acrilonitrin).
 C. Poli(metyl metacrylat). D. Polietilen.
12. Polime nào sau đây trong thành phần chứa nguyên tố nitơ
 A. Poli(vinyl clorua). B. Polibutađien. C. Nilon-6,6. D. Polietilen.
13. Polime nào sau đây có cấu trúc mạng không gian?
 A. Thủy tinh hữu cơ. B. Amilopectin. C. Cao su thô. D. Cao su lưu hóa.
14. Dãy gồm các chất được dùng để tổng hợp cao su Buna-S là:
 A. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}=\text{CH}_2$, $\text{CH}_3-\text{CH}=\text{CH}_2$. B. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}=\text{CH}_2$, lưu huỳnh.
 C. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}=\text{CH}_2$, $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}=\text{CH}_2$. D. $\text{CH}_2=\text{C}(\text{CH}_3)-\text{CH}=\text{CH}_2$, $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}=\text{CH}_2$.

15. Khi ống nhựa PVC cháy sẽ tạo ra nhiều khí độc, trong đó có khí X. Biết khí X tác dụng với dung dịch AgNO_3 , thu được kết tủa trắng. Công thức của khí X là
- A. C_2H_4 . B. HCl . C. CO_2 . D. CH_4 .
16. Phát biểu nào sau đây đúng?
- A. Trùng ngưng vinylclorua thu được poli(vinyl clorua).
B. Tơ visco, tơ xenlulozơ axetat thuộc loại tơ tổng hợp.
C. Tơ nilon-6,6 được điều chế từ hexametylenđiamin và axit axetic.
D. Sợi bông, tơ tằm là polime thiên nhiên.
17. Cho dãy các tơ sau: xenlulozơ axetat, capron, nitron, visco, nilon-6, nilon-6,6. Số tơ trong dãy thuộc loại tơ poliamit là
- A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.
18. Phân tử khối trung bình của cao su tự nhiên là 105.000. Số mắt xích (trị số n) gần đúng trong công thức phân tử của loại polime trên là
- A. 1542. B. 1544. C. 1543. D. 1545.
19. Phân tử khối trung bình của PVC là 250.000. Hệ số polime hóa của PVC là
- A. 4000. B. 2500. C. 3500. D. 3500.
20. Khối lượng của một đoạn mạch tơ nilon-6,6 là 27346 đvC và của một đoạn mạch tơ capron là 17176 đvC. Số lượng mắt xích trong đoạn mạch nilon-6,6 và capron nêu trên lần lượt là
- A. 113 và 152. B. 121 và 114. C. 121 và 152. D. 113 và 114.

---HẾT---